

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/DS-PT
Ngày 21 - 01 - 2022
V/v “Tranh chấp quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thi

Các Thẩm phán:

Ông Phạm Văn Phần

Bà Nguyễn Thị Hải Minh

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bảo Châu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 21/01/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 88/2021/TLPT-DS ngày 15/11/2021 về việc tranh chấp về quyền sử dụng đất, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐXXPT-DS ngày 10/01/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn, gồm:

+ Bà Trần Thị N1, sinh năm 1962; vắng mặt.

+ Ông Lê Quang V (tên gọi khác: Lê Doãn V), sinh năm 1963; có mặt.

Đều trú tại: Thôn TS, xã TT, huyện TC, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Quang V: Anh Lê Doãn N2, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn TS, xã TT, huyện TC, tỉnh Nghệ An; có mặt.

- Bị đơn, gồm:

+ Ông Nguyễn Sỹ N3, sinh năm 1954; có mặt.

+ Bà Phạm Thị M, sinh năm 1961; vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Sỹ L, sinh năm 1970; có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1971; vắng mặt.

Đều trú tại: Thôn TS, xã TT, huyện TC, tỉnh Nghệ An.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, gồm:

+ Anh Nguyễn Sỹ D, sinh năm 1982; vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị N4, sinh năm 1985; vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Sỹ T1, sinh năm 1989; vắng mặt.

+ Chị Võ Thị B, sinh năm 1992; vắng mặt.

+ Chị Lê Thị N5, sinh năm 1983; vắng mặt.

+ Anh Lê Doãn N6, sinh năm 1989; vắng mặt.

+ Chị Lê Thị T2, sinh năm 1995; vắng mặt.

+ Chị Lê Thị N7, sinh năm 1992; vắng mặt.

Đều trú tại: Thôn TS, xã TT, huyện TC, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Lê Doãn N6, chị Lê Thị N5, chị Lê Thị N7, chị Lê Thị T2: Anh Lê Doãn N2, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn TS, xã TT, huyện TC, tỉnh Nghệ An (theo giấy ủy quyền ngày 24/12/2021); có mặt.

+ Chị Nguyễn Thị S1 (tên gọi khác: Nguyễn Thị S2), sinh năm 1985; địa chỉ: Xóm a, xã NM, huyện NL, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và lời trình bày tại phiên tòa nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người được ủy quyền trình bày như sau:

Năm 2003 hộ gia đình ông Lê Quang V, bà Trần Thị N1 được Ủy ban nhân dân huyện TC, tỉnh Nghệ An giao 10570m² đất tại số thửa 293, tờ bản đồ số 01, tiểu khu 997, khoảnh số 02; địa chỉ: Đồi NL, xã TT, huyện TC, tỉnh Nghệ An, đất giao tạm thời chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi nhận đất thì do ông Lê Quang V thường xuyên ốm đau nên chưa sử dụng. Năm 2004 thì vợ chồng ông Nguyễn Sỹ N3, bà Phạm Thị M lấn chiếm sử dụng thửa đất của gia đình ông V, bà N1 để trồng Keo với diện tích 6617m² đất như đã thẩm định tại số thửa 293, tờ bản đồ số 01, tiểu khu 997, khoảnh số 02; địa chỉ: Đồi NL, xã TT, huyện TC, tỉnh Nghệ An.

Nay ông Lê Quang V, bà Trần Thị N1 yêu cầu ông Nguyễn Sỹ N3, bà Phạm Thị M thu hoạch cây Keo để trả lại diện tích lấn chiếm 6617m² đất tại số

thửa 293, tờ bản đồ số 01, tiểu khu 997, khoảnh số 02; địa chỉ: Đồi NL, xã TT, huyện TC, tỉnh Nghệ An cho hộ ông Lê Quang V, bà Trần Thị N1.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ thể hiện vợ chồng ông Nguyễn Sỹ L, bà Nguyễn Thị H đã trồng Chè diện tích 417m² trên thửa đất 293 đất ông Lê Quang V, bà Trần Thị N1 nhưng ông V, bà N1 không yêu cầu ông L, bà H trả 417m² đất lấn chiếm đã trồng Chè, không yêu cầu Tòa án giải quyết phần diện tích này.

Ông Lê Quang V, bà Trần Thị N1 rút phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Sỹ L, bà Nguyễn Thị H trả lại diện tích 1790m² tại số thửa 280, tờ bản đồ số 01, tiểu khu 997, khoảnh số 02; địa chỉ: Đồi NL, xã TT, huyện TC, tỉnh Nghệ An cho hộ gia đình ông Lê Quang V.

- Ý kiến bị đơn ông Nguyễn Sỹ N3: Thửa đất hiện tại vợ chồng ông Nguyễn Sỹ N3, bà Phạm Thị M đang sử dụng để trồng Keo là thửa đất số 280, tờ bản đồ số 01, tiểu khu 997 có diện tích 20.000m² (Hai mươi nghìn mét vuông); địa chỉ: KT, xã TT, huyện TC, tỉnh Nghệ An. Thửa đất này năm 2003 được Ủy ban nhân dân huyện TC, tỉnh Nghệ An giao cho ông Nguyễn Sỹ L, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn TS, xã TT, huyện TC, tỉnh Nghệ An là em trai ông Nguyễn Sỹ N3. Sau khi nhận đất thì ông Nguyễn Sỹ L chia đôi cho vợ chồng ông Nguyễn Sỹ N3, bà Phạm Thị M sử dụng ½ thửa đất số 280 để trồng Keo, diện tích cụ thể thì ông Nguyễn Sỹ N3 không nhớ chính xác, nhưng theo ông N3 là khoảng 10.000m² (Mười nghìn mét vuông). Đất được giao tạm thời chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tất cả các giấy tờ về thửa đất số 280, tờ bản đồ số 01, tiểu khu 997 có diện tích 20.000m² (Hai mươi nghìn mét vuông); địa chỉ: KT, xã TT, huyện TC, tỉnh Nghệ An mang tên ông Nguyễn Sỹ L.

Ông Nguyễn Sỹ N3, bà Phạm Thị M đang trồng Keo trên ½ thửa đất số thửa đất số 280, tờ bản đồ số 01, tiểu khu 997 có diện tích khoảng 10.000m² (Mười nghìn mét vuông); địa chỉ: KT, xã TT, huyện TC, tỉnh Nghệ An, ông N3, bà M không lấn chiếm diện tích 6617m² đất tại số thửa 293, tờ bản đồ số 01, tiểu khu 997, khoảnh số 02; địa chỉ: Đồi NL, xã TT, huyện TC, tỉnh Nghệ An để trồng Keo như đã thẩm định.

Nay ông Lê Quang V, bà Trần Thị N1 yêu cầu ông Nguyễn Sỹ N3, bà Phạm Thị M trả lại diện tích lấn chiếm 6617m² đất tại số thửa 293, tờ bản đồ số 01, tiểu khu 997, khoảnh số 02; địa chỉ: Đồi NL, xã TT, huyện TC, tỉnh Nghệ An cho hộ ông Lê Quang V thì ông Nguyễn Sỹ N3, bà Phạm Thị M không đồng ý.

Đối với phần đất mà ông Nguyễn Sỹ N3, bà Phạm Thị M mượn ông Nguyễn Sỹ L tại thửa đất số 280, tờ bản đồ số 01, tiểu khu 997; địa chỉ: KT, xã TT, huyện TC, tỉnh Nghệ An thì khi nào ông Nguyễn Sỹ L có nhu cầu lấy lại thì

vợ chồng ông sẽ trả lại đất cho ông Nguyễn Sỹ L, ông không yêu cầu Toà án giải quyết việc mượn đất giữa vợ chồng ông và ông Nguyễn Sỹ L.

Số Keo mà vợ chồng ông trồng trên thửa đất tranh chấp là thuộc quyền sở hữu chung của vợ chồng ông Nguyễn Sỹ N3, bà Phạm Thị M; vợ chồng anh Nguyễn Sỹ D, chị Nguyễn Thị N4 và vợ chồng anh Nguyễn Sỹ T1, chị Võ Thị B. Đối với chị Nguyễn Thị S đã lấy chồng về tại xóm a, xã NM, huyện NL, tỉnh Nghệ An thì không có quyền sở hữu diện tích Keo trồng trên phần đất tranh chấp.

- Ý kiến bị đơn ông Nguyễn Sỹ L: Thửa đất hiện tại vợ chồng ông Nguyễn Sỹ N3, bà Phạm Thị M đang sử dụng để trồng Keo là thửa đất số 280, tờ bản đồ số 01, tiểu khu 997 có diện tích 20.000m² (Hai mươi nghìn mét vuông); địa chỉ: KT, xã TT, huyện TC, tỉnh Nghệ An. Thửa đất này năm 2003 được Ủy ban nhân dân huyện TC, tỉnh Nghệ An giao cho ông Nguyễn Sỹ L là em trai ông Nguyễn Sỹ N3. Sau khi nhận đất thì ông Nguyễn Sỹ L chia đôi cho vợ chồng ông Nguyễn Sỹ N3, bà Phạm Thị M sử dụng $\frac{1}{2}$ thửa đất để trồng Keo, diện tích cụ thể thì ông không nhớ chính xác, nhưng khoảng 10.000m² (Mười nghìn mét vuông). Ông N3, bà M không lần chiếm diện tích 6617m² đất tại số thửa 293 tờ bản đồ số 01, tiểu khu 997, khoản số 02; địa chỉ: Đồi NL, xã TT, huyện TC, tỉnh Nghệ An để trồng Keo như đã thẩm định.

Nay ông Lê Quang V, bà Trần Thị N1 yêu cầu ông Nguyễn Sỹ N3, bà Phạm Thị M trả lại diện tích lần chiếm 6617m² đất tại số thửa 293 tờ bản đồ số 01, tiểu khu 997, khoản số 02; địa chỉ: Đồi NL, xã TT, huyện TC, tỉnh Nghệ An cho hộ ông Lê Quang V thì ông Nguyễn Sỹ L, bà Nguyễn Thị H không đồng ý.

Ông Nguyễn Sỹ L không yêu cầu Toà án giải quyết việc mượn đất giữa ông Nguyễn Sỹ N3 và ông Nguyễn Sỹ L, việc này do ông và ông N tự giải quyết với nhau.

Diện tích Chè diện tích 417m² trên thửa đất mà anh Lê Doãn N2 chỉ cho hội đồng đo vẽ là tài sản chung của ông Nguyễn Sỹ L, bà Nguyễn Thị Hoa trồng trên đất ông Nguyễn Sỹ L.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ý kiến anh Nguyễn Sỹ T1, bà Phạm Thị M, bà Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Sỹ D, chị Nguyễn Thị N4, anh Nguyễn Sỹ T1, chị Võ Thị B không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quang V, bà Trần Thị N1, đồng ý như ý kiến ông Nguyễn Sỹ N3 và ý kiến ông Nguyễn Sỹ L và không bổ sung gì thêm.

- Ý kiến chị Nguyễn Thị S: Năm 2003 xã có chủ trương giao đất lâm nghiệp để trồng rừng, bố mẹ chị cũng được giao một diện tích đất nhưng chị không nhớ rõ. Bố mẹ chị nhận đất chung với ông Nguyễn Sỹ L là chú ruột của chị. Hiện nay bố mẹ chị và ông Nguyễn Sỹ L là người đang trực tiếp sử dụng thửa đất để trồng cây Keo, cây Chè. Nay ông Lê Quang V, bà Trần Thị N1 khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Sỹ N3, ông Nguyễn Sỹ L yêu cầu trả lại diện tích đất lấn chiếm thì chị không đồng ý. Chị không có yêu cầu gì về phần đất tranh chấp và tài sản trên phần đất tranh chấp.

Với nội dung trên Bản án sơ thẩm số 48/2021/DS-ST ngày 27/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Nghệ An quyết định: Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 165, khoản 1 Điều 227, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166 Bộ luật dân sự; Điều 100, Điều 202, Điều 203 Luật đất đai; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

1. Đình chỉ về yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quang V (Lê Doãn V), bà Trần Thị N1 đối với bị đơn ông Nguyễn Sỹ L, bà Nguyễn Thị H. Về việc yêu cầu ông Nguyễn Sỹ L, bà Nguyễn Thị H trả lại diện tích 1790m² lấn chiếm tại số thửa 280, tờ bản đồ số 01, tiểu khu 997, khoảnh số 02; địa chỉ: Đồi NL, xã TT, huyện TC, tỉnh Nghệ An.

Đương sự có quyền khởi kiện lại yêu cầu khởi kiện đã rút theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quang V (Lê Doãn V), bà Trần Thị N1.

Buộc ông Nguyễn Sỹ N3, bà Phạm Thị M, anh Nguyễn Sỹ Thìn, anh Nguyễn Sỹ D, chị Nguyễn Thị N4, chị Võ Thị B phải di dời, thu hoạch toàn bộ cây Keo trồng trên thửa đất số 293 để trả lại cho hộ gia đình ông Lê Quang V (Lê Doãn V), bà Trần Thị N1 diện tích lấn chiếm 6617m² tại số thửa 293, tờ bản đồ số 01, tiểu khu 997, khoảnh số 02; địa chỉ: Đồi NL, xã TT, huyện TC, tỉnh Nghệ An có trị giá 29.766.500 đồng (Hai chín triệu, bảy trăm sáu sáu nghìn, năm trăm đồng) (Chi tiết phần đất mà ông Nguyễn Sỹ N3, bà Phạm Thị M, anh Nguyễn Sỹ T1, anh Nguyễn Sỹ D, chị Nguyễn Thị N4, chị Võ Thị B phải trả lại cho hộ ông Lê Quang V (Lê Doãn V), bà Trần Thị N1 được giới hạn bởi các điểm 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10 rồi về 1 có trong sơ đồ kèm theo).

3. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Sỹ N3.

Buộc bà Phạm Thị M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại ông Lê Quang V (Lê Doãn V) số tiền tạm ứng án phí nộp là 793.000 đồng (Bảy trăm chín mươi ba nghìn đồng) theo biên lai số 0006776 ngày 07/01/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TC, tỉnh Nghệ An.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Buộc ông Nguyễn Sỹ N3, bà Phạm Thị M phải trả cho ông Lê Quang V (Lê Doãn V) số tiền 5.208.537 đồng (Năm triệu, hai trăm linh tám nghìn, năm trăm ba mươi bảy đồng) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Chia kỷ phần: Ông Nguyễn Sỹ N3 phải chịu 2.604.268 đồng (Hai triệu, sáu trăm linh tư nghìn, hai trăm sáu tám đồng); bà Phạm Thị M phải chịu 2.604.269 đồng (Hai triệu, sáu trăm linh tư nghìn, hai trăm sáu chín đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người yêu cầu thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.

Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 01/10/2021, ông Nguyễn Sỹ L là bị đơn, kháng cáo trình bày: Ông Nguyễn Sỹ L không nhất trí phán quyết của Tòa án nhân dân huyện TC. Vì các lý do: Khi gia đình được giao đất là một thửa, chỉ giao từ điểm A đến điểm B, phía dưới giáp đất ông Nguyễn Đình T3 phía trên giáp đất ông Võ Văn S3. Không biết lý do tại sao xã lại cho thửa đất thành hai thửa.

Lý do thứ hai: Ông Lê Doãn V nhận đất đồi NL còn gia đình ông L nhận đất Đồi KT. Đất gia đình nhận từ năm 2003 đã canh tác 18 năm tại sao ông V lại tranh chấp.

Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Doãn V.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ yêu cầu khởi kiện.

Ông Nguyễn Sỹ L (bị đơn) giữ nguyên đơn kháng cáo có yêu cầu Tòa phúc thẩm xem xét, không chấp nhận nội dung khởi kiện của ông Lê Doãn V, buộc ông phải trả 6617m² đất, thửa 293 tờ bản đồ số 01.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An có ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán Tòa cấp phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm. Các đương sự thực hiện đúng pháp luật quy định.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Sỹ L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An nhận định:

[1] Về tố tụng: Các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân các cấp không kháng nghị về tố tụng nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không phải xem xét.

[2] Về nội dung: Ông Nguyễn Sỹ L kháng cáo đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu nguyên đơn để buộc ông trả lại đất, về nội dung Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét:

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn đều trình bày nguồn gốc thửa đất tranh chấp giống như đã trình bày tại phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn ông Lê Quang V và bà Trần Thị N1 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện chấp nhận quyết định của Tòa cấp sơ thẩm và không kháng cáo. Bị đơn ông Nguyễn Sỹ L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Xét thấy: Theo trình bày của nguyên đơn và bị đơn thửa đất tranh chấp đã được Ủy ban nhân dân huyện TC cấp cho các hộ gia đình sử dụng, theo Quyết định 396/QĐ-UB ngày 03/4/2004 (BL19) là có căn cứ pháp luật, để Tòa án giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất theo yêu cầu.

[2.1] Về nguồn gốc thửa đất tranh chấp: Tại hồ sơ thể hiện rõ, thửa đất hộ gia đình ông Lê Quang V (Lê Doãn V) được Ủy ban nhân dân huyện TC cấp thửa 293, tờ bản đồ số 1, tiểu khu 997-2, diện tích 10.570m². Thửa đất hộ gia

đình ông Nguyễn Sỹ L được Ủy ban nhân dân huyện TC cấp thửa 280, tờ bản đồ số 1, tiểu khu 997-2, diện tích 10.049m² (BL16). Cả hai thửa đều được giao sử dụng từ năm 2004, có quyết định cấp đất và danh sách kèm theo nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thửa đất số 293 tờ bản đồ số 01 được giao cho hộ gia đình ông Lê Quang V có phần giáp ranh với thửa đất số 280 tờ bản đồ số 01 được giao cho hộ ông Nguyễn Sỹ L. Thực tế năm 2004 thì vợ chồng ông Nguyễn Sỹ N3, bà Phạm Thị M sử dụng thửa đất của gia đình ông Vịnh, bà Năm để trồng Keo với diện tích 6617m² đất tại số thửa 293 tờ bản đồ số 01, tiểu khu 997, khoảnh số 02; địa chỉ: Đồi NL, xã TT, huyện TC, tỉnh Nghệ An. Sự việc đã được Ủy ban nhân dân xã TT, huyện TC, tỉnh Nghệ An hòa giải nhưng không thành.

Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn đã cung cấp Quyết định giao đất của Ủy ban nhân dân huyện TC; danh sách những hộ gia đình được giao đất tạm thời của Ủy ban nhân dân huyện TC và có tên trong tờ bản đồ địa chính của Ủy ban nhân dân xã TT, huyện TC.

+ Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ thể hiện: Ông Nguyễn Sỹ N3, bà Phạm Thị M đang lấn chiếm trồng Keo trên diện tích 6617m² đất tại số thửa 293 tờ bản đồ số 01, tiểu khu 997, khoảnh số 02; địa chỉ: Đồi NL, xã TT, huyện TC, tỉnh Nghệ An là diện tích đất được Ủy ban nhân dân huyện TC cấp cho các hộ gia đình sử dụng theo Quyết định 396/QĐ-UB ngày 03/4/2004, danh sách kèm theo là diện tích đất cấp cho hộ gia đình Lê Quang V và Trần Thị N1, không phải trồng Keo trên thửa đất 280, tờ bản đồ số 01, tiểu khu 997, khoảnh số 02 Đồi KT, xã TT, huyện TC, tỉnh Nghệ An. Ông Nguyễn Sỹ N3, bà Phạm Thị M cho rằng đó là phần đất do ông Nguyễn Sỹ L cho vợ chồng mượn sử dụng từ năm 2004 là không có căn cứ, vì theo Quyết định 396/QĐ-UB ngày 03/4/2004 và danh sách kèm theo diện tích đất hộ ông Nguyễn Sỹ L được cấp thuộc thửa 280 tờ bản đồ số 01 tiểu khu 997-2 diện tích 10049m², đồi KT, xã TT, huyện TC, tỉnh Nghệ An, không phải thửa đất 293 tờ bản đồ số 01 tiểu khu 997, khoảnh số 02 đồi NL, xã TT, huyện TC, tỉnh Nghệ An.

Tại phiên tòa cũng như đơn kháng cáo ông Nguyễn Sỹ L cho rằng diện tích đất ông Nguyễn Sỹ N3 (anh trai ông L), bà Phạm Thị M đang trồng Keo trên diện tích 6617m² là đất của ông Long được cấp nhưng ông Long không cung cấp được bằng chứng được cơ quan có thẩm quyền giao đất, nên không có căn cứ để Tòa án chấp nhận. Do đó, ông Nguyễn Sỹ N3, bà Phạm Thị M và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía ông Niêm, bà Mỹ cho rằng gia đình ông Nguyễn Sỹ N3 mượn đất ông Nguyễn Sỹ L tại số thửa 280 tờ bản đồ số 01 thuộc KT. Nhưng thực tế hộ gia đình ông Niêm trồng Keo trên diện tích 6617m² thuộc thửa 293 tờ bản đồ số 1, đồi NL là đất đã được Ủy

ban nhân dân huyện TC giao cho hộ gia đình ông Lê Doãn V theo quyết định số 396/QĐ-UB ngày 3/4/2004 có danh sách kèm theo (BL18-19), nên không có căn cứ để chấp nhận.

Như vậy, ông Lê Quang V (Lê Doãn V), bà Trần Thị N1 khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Sỹ N3, bà Phạm Thị M thu hoạch cây Keo để trả lại diện tích 6617m² đất tại số thửa 293 tờ bản đồ số 01, tiểu khu 997, khoảnh số 02; địa chỉ: Đồi NL, xã TT, huyện TC, tỉnh Nghệ An là có căn cứ chấp nhận, đúng với quy định tại Điều 163, Điều 164, Điều 166 của Bộ luật dân sự; Điều 100, Điều 202, khoản 1 Điều 203 Luật đất đai.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào quyết định cấp đất của Ủy ban nhân dân huyện TC, cấp cho các hộ gia đình sử dụng đất, danh sách cấp đất kèm theo quyết định cấp đất, xem xét về nguồn gốc đất tranh chấp; xem xét thẩm định tại chỗ và các chứng cứ đương sự cung cấp, đối chiếu các quy định pháp luật về đất đai, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Sỹ L, nên giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 48/2021/DS-ST ngày 27/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Nghệ An. Buộc ông Nguyễn Sỹ N3, bà Phạm Thị M thu hoạch cây keo trồng trên diện tích 6617m² đất tại số thửa 293 tờ bản đồ số 01, tiểu khu 997, khoảnh số 02; địa chỉ: Đồi Nô Lệ, xã TT, huyện TC, tỉnh Nghệ An, để trả lại toàn bộ diện tích đất cho hộ gia đình ông Lê Quang V (Lê Doãn V) và bà Trần Thị N1.

Các nội dung khác không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[5] Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Sỹ L kháng cáo không được Tòa án chấp nhận phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Sỹ L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 147, Điều 157, 165, khoản 1 Điều 227, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166 Bộ luật dân sự; Điều 100, Điều 202, Điều 203 Luật đất đai; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

1. Đình chỉ về yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quang V (Lê Doãn V), bà

Trần Thị N1 đối với bị đơn ông Nguyễn Sỹ L, bà Nguyễn Thị H. Về việc yêu cầu ông Nguyễn Sỹ L, bà Nguyễn Thị H trả lại diện tích 1790m² đất tại thửa số 280, tờ bản đồ số 01, tiểu khu 997, khoảnh số 02; địa chỉ: Đồi NL, xã TT, huyện TC, tỉnh Nghệ An.

Đương sự có quyền khởi kiện lại yêu cầu khởi kiện đã rút theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quang V (Lê Doãn V), bà Trần Thị N1.

Buộc ông Nguyễn Sỹ N3, bà Phạm Thị M, anh Nguyễn Sỹ T1, anh Nguyễn Sỹ D, chị Nguyễn Thị N4, chị Võ Thị B phải di dời, thu hoạch toàn bộ cây Keo trồng trên thửa đất số 293 tờ bản đồ số 01, tiểu khu 997, khoảnh số 02 để trả lại cho hộ gia đình ông Lê Quang V (Lê Doãn V), bà Trần Thị N1 6617m² đất thuộc thửa số 293, tờ bản đồ số 01, tiểu khu 997, khoảnh số 02; địa chỉ: Đồi NL, xã TT, huyện TC, tỉnh Nghệ An. (Chi tiết phần đất mà ông Nguyễn Sỹ N3, bà Phạm Thị M, anh Nguyễn Sỹ T1, anh Nguyễn Sỹ D, chị Nguyễn Thị N4, chị Võ Thị B phải trả lại cho hộ ông Lê Quang V (Lê Doãn V), bà Trần Thị N1 được giới hạn bởi các điểm 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10 rồi về 1 có trong sơ đồ kèm theo).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Sỹ N3.

Buộc bà Phạm Thị M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại ông Lê Quang V (Lê Doãn V) số tiền tạm ứng án phí nộp là 793.000 đồng (Bảy trăm chín mươi ba nghìn đồng) theo biên lai số 0006776 ngày 07/01/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TC, tỉnh Nghệ An.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Buộc ông Nguyễn Sỹ N3, bà Phạm Thị M phải trả cho ông Lê Quang V (Lê Doãn V) số tiền 5.208.537 đồng (Năm triệu, hai trăm linh tám nghìn, năm trăm ba mươi bảy đồng) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Chia kỷ phần: Ông Nguyễn Sỹ N3 phải chịu 2.604.268 đồng (Hai triệu, sáu trăm linh tư nghìn, hai trăm sáu tám đồng); bà Phạm Thị M phải chịu 2.604.269 đồng (Hai triệu, sáu trăm linh tư nghìn, hai trăm sáu chín đồng).

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Sỹ L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng

tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008952 ngày 06/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TC.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người yêu cầu thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.

Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Những nội dung không kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật Tòa cấp phúc thẩm không xét.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật tính từ ngày tuyên án phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện TC
- TAND huyện TC;
- Chi cục THADS huyện TC;
- Các đ-ơng sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

-

Nguyễn Đức Thi